

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **157**/GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **15** tháng **6** năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Chi Nam Hưng số 07/CV-CT ngày 17 tháng 3 năm 2026, số 09/CV-CT ngày 21 tháng 5 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 731/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Chi Nam Hưng, địa chỉ tại Thôn Bưởi Rỏi, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trang trại chăn nuôi lợn thịt công nghệ cao tại thôn Bưởi Rỏi, Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Trang trại chăn nuôi lợn thịt công nghệ cao tại thôn Bưởi Rỏi, Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Bưởi Rỏi, Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3101104057; đăng ký lần đầu ngày 23/6/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 25/6/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính cấp.

1.4. Mã số thuế: 3101104057

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích: 46.343,9m²

- Dự án có tiêu chí nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Dự án có tiêu chí môi trường như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất hoạt động: 14.400 con heo thịt/năm, 4.800 con/lứa.

- Công nghệ sản xuất (quy trình chăn nuôi):

Lợn con (khoảng 4kg/con) → Nuôi dưỡng, chăm sóc → Lợn thịt (khoảng 100kg/con) → Xuất bán

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Chi Nam Hưng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Chi Nam Hưng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường

này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép môi trường này.

Điều 4. Giấy phép môi trường này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND xã Phú Trạch và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND xã Phú Trạch;
- Công ty TNHH Chăn nuôi Bình Chi Nam Hưng;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *TC*



Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 157/GPMT-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nước thải sinh hoạt

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.

1.2. Nước thải chăn nuôi

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe nước phía Tây dự án (cách dự án 100m) tại thôn Bưởi Rỏi, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Tại thôn Bưởi Rỏi, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): X(m) = 1980580,534; Y(m) = 532782,866

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

Tổng lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $58,8\text{m}^3/\text{ngày đêm}$

2.4. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn được dẫn qua bể chứa nước thải sau xử lý. Sau đó, nước thải theo tuyến đường ống nhựa PVC D200 dẫn vào mương và thoát ra khe nước cách dự án khoảng 100m về phía Tây. Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước là tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải.

Xả nước thải liên tục 24/24 giờ trong quá trình hoạt động.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62:2025/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về nước thải chăn nuôi (Cột A). Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62:2025/BTNMT (Cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ (lần/năm)
1	pH	-	6 - 9	2
2	BOD ₅	mg/l	≤ 40	
3	COD	mg/l	≤ 65	

4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40	2
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 20	
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 4	
7	Tổng Coliform	MPN/100 ml	≤ 3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01):

+ Đối với nước thải xám: Được thu gom về ngăn thứ 3 của bể tự hoại và được bơm về hồ điều hoà kết hợp sự cố, sau đó bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ Đối với nước thải đen: Được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý, sau đó được bơm về hồ điều hoà kết hợp sự cố, sau đó bơm vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý. Đã bố trí 01 bể tự hoại có thể tích 7,2m³

- Nước thải chăn nuôi (nguồn số 2):

+ Nước thải chăn nuôi được thu gom bằng đường ống PVC D110 dẫn qua các hố ga bố trí dọc theo các dãy chuồng nuôi, sau đó theo tuyến đường ống PVC D200 dẫn về bể thu gom (5 ngăn), sau đó nước thải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

+ Nước thải sau khi tách phân tại khu vực ép phân được thu gom vào ngăn cuối của bể thu gom (5 ngăn) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải → Bể thu gom → Bể Biogas → Hồ sinh học → Hồ điều hoà kết hợp sự cố → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể Anoxic ↔ Bể hiếu khí (từ bể Anoxic sang bể hiếu khí nước thải được tuần hoàn xử lý thêm 1 lần nữa trước khi sang bể lắng sinh học) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bể chứa nước sau xử lý → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm

- Hoá chất sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng quy trình kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu định kỳ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Sử dụng hồ điều hoà kết hợp hồ sự cố để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố. Khẩn trương khắc phục sự cố, xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải. Tuyệt đối không xả nước thải khi chưa đạt quy chuẩn môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 6/2026 đến tháng 12/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải được nêu tại mục 1.2 Phần B Phụ lục này.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Vị trí lấy mẫu đầu vào: Tọa độ: $X(m) = 1980571,722$; $Y(m) = 532821,320$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0).

Vị trí lấy mẫu đầu ra: Tại bể chứa nước sau xử lý, thôn Bưởi Rời, xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106^0 , múi chiều 3^0): $X(m) = 1980580,534$; $Y(m) = 532782,866$.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra) theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh. Chỉ được xả thải khi nước thải được xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Đảm bảo hệ thống thu gom thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thời gian vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm phải thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố, an toàn trong quá trình hoạt động của dự án đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố theo đúng trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định pháp luật về môi trường có liên quan.

- Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động và tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời, báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Phú Trạch và các cơ quan, đơn vị liên quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử nước thải để kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý khi gặp sự cố.

- Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Giám sát, thực hiện, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình vận hành đều được thu gom, xử lý đáp ứng quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành; thu gom nước mưa chảy tràn khu vực dự án, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và hệ sinh thái khu vực; đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu, phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo đúng quy định pháp luật.

Phụ lục 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~157~~ /GPMT-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Đối với mùi hôi:

- Bố trí dàn làm mát ở trong mỗi khu vực chuồng nuôi, sử dụng chế phẩm sinh học khử mùi liên tục qua dàn làm mát.
- Phía sau dãy quạt hút, lắp đặt hệ thống giàn phun sương.
- Bể tách phân được đặt kín nhằm hạn chế mùi hôi phát sinh ra môi trường xung quanh và hạn chế nước mưa vào bể.
- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại, không để phân và nước thải ứ đọng nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi. Tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học để khử mùi hôi trong chuồng trại.
- Tăng cường diện tích hành lang cây xanh của dự án.

1.2. Đối với khí thải từ bể biogas

- Tại bể Biogas, lắp đặt ống dẫn khí gas tự động. Khi khí gas dư sẽ mở van để xả và xử lý bằng phương pháp đốt.

Khí Biogas → Ống dẫn khí gas tự động (có van đóng mở) → Đầu đốt.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Kiểm tra thường xuyên bạt HDPE của bể Biogas, nếu có hiện tượng hở môi hàn hoặc thùng phải kịp thời khắc phục. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn khí biogas để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý khắc phục sự cố kịp thời.
- Thường xuyên theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ và chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi, khí thải phát sinh tại dự án.

2.2. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, khí thải, mùi hôi trong quá trình hoạt động; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

2.3. Trong quá trình hoạt động, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của dự án; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Phú Trạch và các cơ quan, đơn vị liên

quan để phối hợp giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường toàn bộ thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và các quy định liên quan. Tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học tại khu vực chuồng trại, khu vực ép phân, khu vực ủ phân... nhằm giảm thiểu tối đa mùi hôi phát sinh từ chất thải, đảm bảo tuyệt đối không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cuộc sống của người dân xung quanh.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **157**/GPMT-UBND
ngày **15** tháng **6** năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1 Tiếng ồn (đơn vị dBA)

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (6h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực A	50	45	40
Khu vực B	55	50	45
Khu vực C	60	55	50
Khu vực D	65	60	55
Khu vực E	70	65	60

2.2. Độ rung (đơn vị dB)

Khu vực bị ảnh hưởng	Ngày (6h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 6h00)
Khu vực A	65	60
Khu vực B,C,D	70	65

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Chú trọng công tác bảo dưỡng thiết bị định kỳ; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị, độ mòn chi tiết. Đồng thời, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng, cho dầu bôi trơn hoặc thay các chi tiết hư hỏng kịp thời. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Vận hành máy phát điện đúng kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~157~~ /GPMT-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

- 1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 5 kg/năm
- 1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 1.978,2 tấn/năm
- 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,71 tấn/năm
- 1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh: 52 kg/năm

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và các quy định liên quan. Trường hợp chất thải công nghiệp phải kiểm soát chưa được phân định thì được quản lý như chất thải nguy hại.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:**2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:**

- Kho lưu chứa: nền bê tông, có mái che; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo đúng quy định.

- Diện tích kho lưu chứa: 12 m²

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước mỗi chiều tối thiểu 30 cm.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường**2.2.1. Đối với chất thải là phân lợn**

- Kho lưu chứa: Tường xây xi măng, nền bê tông, mái lợp tôn.

- Diện tích kho lưu chứa phân sau ủ: 290 m²

- Biện pháp thu gom, xử lý phân lợn:

+ Phân lợn → Bể thu gom → Tách phân (máy ép phân) → Ủ phân → Đóng bao → Kho chứa phân → Bón cho cây trồng trong phạm vi của dự án hoặc chuyển cho đơn vị sản xuất phân bón.

+ Diện tích Nhà ủ phân: 240 m²

2.2.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường khác

Bao bì đựng thức ăn được thu gom lưu chứa tại kho lưu chứa có tường xây xi măng, nền bê tông, mái lợp tôn. Diện tích kho lưu chứa: 164 m². Bao bì được tận dụng phục vụ cho hoạt động của dự án, bao bì còn thừa còn lại hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Khu vực lưu giữ: Nền bê tông, có mái che.

- Diện tích khu vực lưu giữ: 12 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ quy định về quản lý chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư 09/2026/TT-BNNMT.

2. Việc thực hiện xử lý xác động vật chết phải tuân thủ các yêu cầu vệ sinh môi trường theo quy định. Trường hợp chết do dịch bệnh phải thực hiện khử khuẩn và thông báo với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

3. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố chất thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

4. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 157/GPMT-UBND
ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả quản lý.
3. Nước thải được quản lý để tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.
4. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và quy định liên quan để kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình hoạt động của dự án. Tăng cường sử dụng chế phẩm sinh học tại các khu vực phát sinh mùi hôi nhằm giảm thiểu tối đa mùi hôi phát sinh, đảm bảo tuyệt đối không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường xung quanh.
5. Thường xuyên kiểm tra và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng hạn chế phát sinh khí thải, độ ồn, độ rung.
6. Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về chăn nuôi.
7. Thực hiện nghiêm túc việc thực hiện phòng, chống và xử lý động vật chết do dịch bệnh theo quy định hiện hành.
8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về vệ sinh dịch bệnh trong chăn nuôi, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
9. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định.
10. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

(Thông số kỹ thuật của các công trình bảo vệ môi trường nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 và 4 của Giấy phép này căn cứ vào hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ công trình bảo vệ môi trường do Chủ dự án cung cấp; Chủ dự án tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông số này).